

3. Xác định kết quả kinh doanh. Biết rằng, vật liệu, thành phẩm xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân, chi phí sản xuất chung phân bổ theo tiêu thức tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

Lời giải đề nghị :

Nhập kho vật liệu A :

1a	Nợ	152A	1.000.000
	Nợ	133	100.000
		C6 331	1.100.000

Nhập kho vật liệu B :

1b	Nợ	152B	300.000
	Nợ	133	30.000
		C6 331	330.000

Chiết khấu thương mại được hưởng sẽ làm giảm giá hàng bán :

1c	Nợ	331	50.000
		C6 152B	50.000

Chi phí vận chuyển bốc dỡ hàng hóa :

2	Nợ	152A	100.000
	Nợ	152B	50.000
		C6 111	150.000

Đơn giá nguyên vật liệu xuất kho :

Nguyên vật liệu A :

$$\text{Đơn giá A} = \frac{1.300.000 + 1.100.000}{1.000 + 1.000} = 1.200 \text{ đồng/sản phẩm}$$

Nguyên vật liệu B :

$$\text{Đơn giá B} = \frac{336.000 + 300.000}{700 + 500} = 530 \text{ đồng/sản phẩm}$$

Tình hình xuất kho nguyên vật liệu trong kỳ :

Xuất kho vật liệu A :

3a	Nợ	621X	1.800.000
	Nợ	621Y	600.000
	Có	152A	2.400.000

Xuất kho vật liệu B :

3b	Nợ	621X	265.000
	Nợ	621Y	106.000
	Nợ	627	53.000
	Có	152B	424.000

Tiền lương phải trả cho CB-CNV :

4a	Nợ	622X	7.200.000
	Nợ	622Y	4.800.000
	Nợ	627	4.000.000
	Có	334	16.000.000

Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào các chi phí liên quan :

4b	Nợ	622X	1.368.000
	Nợ	622Y	912.000
	Nợ	627	760.000
	Có	338	3.040.000

Trích khấu hao TSCĐ trong tháng :

4c	Nợ	627	3.600.000
	Có	214	3.600.000

Chi khác bằng tiền mặt :

4d	Nợ	627	1.000.000
		Có 111	1.000.000

Tổng chi phí sản xuất chung : 9.413.000 đồng, phân bổ theo tiêu thức tiền lương trực tiếp sản xuất là :

Chi phí sản xuất chung phân bổ cho sản phẩm X :

$$\text{Sản phẩm X} = \frac{7.200.000 * 9.413.000}{7.200.000 + 4.800.000} = 5.647.800 \text{ đồng}$$

Chi phí sản xuất chung phân bổ cho sản phẩm Y :

$$\text{Sản phẩm Y} = \frac{4.800.000 * 9.413.000}{7.200.000 + 4.800.000} = 3.765.200 \text{ đồng}$$

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung vào để tính giá thành sản phẩm X :

5a	Nợ	154X	16.280.000
		Có 621X	2.065.000
		Có 622X	8.568.000
		Có 627X	5.647.800

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung vào để tính giá thành sản phẩm Y :

5b	Nợ	154Y	10.183.200
		Có 621Y	706.000
		Có 622Y	5.712.000
		Có 627Y	3.765.200

Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ :

Sản phẩm X : 200.000 đồng ; Y : 360.000 đồng.

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ :

Sản phẩm X : 480.000 đồng ; Y : 543.200 đồng.

Tổng giá thành nhập kho của sản phẩm X :

$$200.000 + 16.280.000 - 480.000 = 16.000.000$$

$$\text{Đơn vị X} = \frac{16.000.000}{1.000} = 16.000$$

Tổng giá thành nhập kho của sản phẩm Y :

$$360.000 + 10.183.200 - 543.200 = 10.000.000$$

$$\text{Đơn vị Y} = \frac{10.000.000}{500} = 20.000$$

Bút toán nhập kho thành phẩm X :

5c	Nợ	155X	16.000.000	
		Có	154X	16.000.000

Bút toán nhập kho thành phẩm Y :

5d	Nợ	155Y	10.000.000	
		Có	154Y	10.000.000

Xuất kho sản phẩm X đi tiêu thụ :

6a	Nợ	632	9.600.000	
		Có	155	9.600.000

Doanh thu bán hàng của sản phẩm X :

6b	Nợ	112	16.500.000	
		Có	3331	1.500.000
		Có	511	15.000.000

Xuất kho sản phẩm Y đi tiêu thụ :

6c	Nợ	632	8.000.000	
		Có	155	8.000.000

Doanh thu bán hàng của sản phẩm Y :

6d	Nợ	112	13.200.000
		Có 3331	1.200.000
		Có 511	12.000.000

Chi phí bán hàng bằng 1/4 giá vốn hàng bán :

$$17.600.000 \times 1/4 = 4.400.000 \text{ đ}$$

Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng 1/2 chi phí bán hàng :

$$4.400.000 \times 1/2 = 2.200.000 \text{ đồng.}$$

Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp :

7a	Nợ	911	24.200.000
		Có 632	17.600.000
		Có 641	4.400.000
		Có 642	2.200.000

Kết chuyển doanh thu thuần :

7b	Nợ	511	27.000.000
		Có 911	27.000.000

Doanh thu - Chi phí = Kết quả

$$27.000.000 - 24.200.000 = 2.800.000 \text{ đồng}$$

Kết chuyển thu nhập :

7c	Nợ	911	2.800.000
		Có 421	2.800.000

6.2.4 Bài tập số 04

Tại một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thương mại Hoàng Quân có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận trong các tài liệu sau :

Số dư đầu kỳ của một số tài khoản :

- Nguyên vật liệu chính : 1.000 kg x 1.300 đồng/kg.
- Vật liệu phụ : 700 kg x 480 đồng/kg.

Tình hình phát sinh trong kỳ :

1. Nhập kho 1.000 kg nguyên vật liệu chính; giá mua theo hóa đơn 1.000 đồng/kg, thuế GTGT 10%, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Nhập kho 500 kg vật liệu phụ; giá mua chưa thuế GTGT trên hóa đơn 600 đồng/kg, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán. Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu chính trả bằng tiền mặt 100.000 đồng, vật liệu phụ được bên bán chuyên chở miễn phí.
2. Tình hình vật liệu xuất kho : cho ở bảng sau

Loại vật liệu Đối tượng sử dụng	Nguyên vật liệu chính (kg)	Vật liệu phụ (kg)
Sản phẩm	1.600	400
Phân xưởng sản xuất	200	300
Bộ phận bán hàng	50	100
Bộ phận quản lý doanh nghiệp	50	200

3. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 12.000.000 đồng, bộ phận phục vụ sản xuất tại phân xưởng là 4.000.000 đồng. Bộ phận bán hàng là 3.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.000.000 đồng.
4. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào các chi phí có liên quan kể cả phần trừ BHXH, BHYT cho CB-CNV.
5. Khấu hao TSCĐ phải trích ở phân xưởng sản xuất sản phẩm là 3.600.000 đồng, bộ phận bán hàng là 1.200.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 1.800.000 đồng.

6. Các chi khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt là 3.300.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 10%, phân bổ cho các bộ phận : phân xưởng sản xuất 1.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 800.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.200.000 đồng.
7. Kết quả sản xuất hoàn thành nhập kho 1.000 sản phẩm, biết rằng :
- Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ : 268.000 đồng
 - Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ : 200 sản phẩm
 - Phế liệu thu hồi nhập kho trị giá : 39.000 đồng
 - Doanh nghiệp áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp nguyên vật liệu trực tiếp.
8. Xuất kho 600 sản phẩm để bán trực tiếp cho khách hàng. Giá bán chưa có thuế GTGT là 52.000 đồng/sản phẩm, tiền bán hàng thu bằng tiền gửi ngân hàng. Thuế GTGT phải nộp cho loại sản phẩm này theo thuế suất 10%.

Yêu cầu :

1. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
2. Tính giá thành đơn vị sản phẩm.
3. Xác định kết quả kinh doanh, biết rằng nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân.

Lời giải đề nghị :

Nhập kho nguyên vật liệu chính :

1a	Nợ	1521	1.000.000
	Nợ	133	100.000
	Có	112	1.100.000

Nhập kho vật liệu phụ :

1b	Nợ	1522	300.000
	Nợ	133	30.000
	Có	331	330.000

Chi phí vận chuyển bốc dỡ hàng hóa :

1c	Nợ	1521	100.000
	Có	111	100.000

Tính đơn giá nguyên vật liệu xuất kho :

Nguyên vật liệu chính :

$$\text{Đơn giá nguyên vật liệu chính} = \frac{1.300.000 + 1.100.000}{1.000 + 1.000} = 1.200 \text{ đồng}$$

Vật liệu phụ :

$$\text{Đơn giá vật liệu phụ} = \frac{336.000 + 300.000}{700 + 500} = 530 \text{ đồng}$$

Tình hình xuất kho nguyên vật liệu trong kỳ :

Xuất kho nguyên vật liệu chính :

2a	Nợ	621	1.920.000
	Nợ	627	240.000
	Nợ	641	60.000
	Nợ	642	60.000
	Có	1521	2.280.000

Xuất kho vật liệu phụ :

2b	Nợ	621	212.000
	Nợ	627	159.000
	Nợ	641	53.000
	Nợ	642	106.000
	Có	1521	530.000

Tiền lương phải trả :

3	Nợ	622	12.000.000
	Nợ	627	4.000.000
	Nợ	641	3.000.000
	Nợ	642	2.000.000
	Có	334	21.000.000

Các khoản trích theo lương :

4	Nợ	622	2.280.000
	Nợ	627	760.000
	Nợ	641	570.000
	Nợ	642	380.000
	Nợ	334	1.260.000
	Có	338	5.250.000

Khấu hao máy móc thiết bị :

5	Nợ	627	3.600.000
	Nợ	641	1.200.000
	Nợ	642	1.800.000
	Có	214	6.600.000

Các khoản chi khác thanh toán bằng tiền mặt :

6	Nợ	627	1.000.000
	Nợ	641	800.000
	Nợ	642	1.200.000
	Nợ	133	300.000
	Có	111	3.300.000

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung vào để tính giá thành sản phẩm :

7a	Nợ	154	26.171.000
	Có	621	2.132.000

Có	622	14.280.000
Có	627	9.759.000

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ :

$$\text{CPSPDDCK} = \frac{268.000 + 2.132.000}{1.000 + 200} * 200 = 400.000 \text{ đồng}$$

Tổng giá thành nhập kho :

$$268.000 + 26.171.000 - 400.000 - 39.000 = 26.000.000 \text{ đồng}$$

Bút toán nhập kho thành phẩm :

7b	Nợ	155	26.000.000
	Có	154	26.000.000

Giá thành đơn vị sản phẩm :

$$\text{Zđơn vị} = \frac{26.000.000}{1.000} = 26.000 \text{ đồng}$$

Xuất kho sản phẩm đi tiêu thụ :

8a	Nợ	632	26.171.000
	Có	155	2.132.000

Doanh thu bán hàng :

8b	Nợ	112	34.320.000
	Có	3331	3.120.000
	Có	511	31.200.000

Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp :

8c	Nợ	911	30.905.000
	Có	632	15.600.000
	Có	641	5.546.000
	Có	642	9.759.000

Kết chuyển doanh thu thuần :

8d	Nợ	511	34.320.000
		Có 911	34.320.000

Doanh thu – Chi phí = Kết quả

$$31.200.000 - 30.950.000 = 295.000 \text{ đồng}$$

Kết chuyển thu nhập :

8e	Nợ	911	295.000
		Có 421	295.000

6.2.5 Bài tập số 05

Tại một doanh nghiệp trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Trong kỳ nhập kho 2.000 sản phẩm A, giá thành thực tế nhập kho là 8.000 đồng/sản phẩm.
2. Mua 5.000 sản phẩm B, đơn giá trên hóa đơn là 11.000 đồng/sản phẩm, gồm 10% thuế GTGT chưa thanh toán tiền cho khách hàng. Bên bán giao hàng tại kho của doanh nghiệp.
3. Tiền lương phải trả cho bộ phận trực tiếp sản xuất là 70.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng là 20.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 50.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000 đồng.
4. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
5. Ứng 50% lương đợt 1 cho CB-CNV trong doanh nghiệp bằng tiền mặt.
6. Khấu hao máy móc thiết bị dùng ở bộ phận bán hàng là 6.000.000 đồng, ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là 4.000.000 đồng.
7. Bộ phận bán hàng báo hỏng một công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 3 lần, trị giá ban đầu là 12.000.000 đồng.

8. Xuất kho một công cụ dụng cụ sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp thuộc loại phân bổ một lần trị giá xuất kho là 2.000.000 đồng.
9. Chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt là 13.200.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, phân bổ cho bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý theo tỷ lệ 4 : 2.
10. Xuất kho 1.000 sản phẩm A đi tiêu thụ trực tiếp, giá bán chưa có 10% thuế GTGT là 40.000 đồng, khách hàng chưa thanh toán.
11. Xuất kho 4.000 sản phẩm B đi tiêu thụ trực tiếp, giá bán đã bao gồm 10% thuế GTGT là 55.000 đồng/sản phẩm, khách hàng thanh toán 80% bằng chuyển khoản và 20% bằng tiền mặt.
12. Chi tiền mặt thanh toán lương đợt 2 cho CB–CNV trong doanh nghiệp.

Yêu cầu : Định khoản và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Lời giải đề nghị :

Nhập kho thành phẩm :

1	Nợ	155		16.000.000
		Có	154	16.000.000

Nhập kho hàng hóa :

2	Nợ	156		50.000.000
		Nợ	133	5.000.000
		Có	331	55.000.000

Tiền lương phải trả cho CB–CNV :

3	Nợ	622		70.000.000
		Nợ	627	20.000.000
		Nợ	641	50.000.000

Nợ	642	10.000.000
Có	334	150.000.000

Các khoản trích theo lương phải trả cho CB-CNV :

4	Nợ	622	13.300.000
	Nợ	627	3.800.000
	Nợ	641	9.500.000
	Nợ	642	1.900.000
	Nợ	334	9.000.000
	Có	338	37.500.000

Tạm ứng lương đợt 1 cho CB-CNV :

5	Nợ	334	75.000.000
	Có	111	75.000.000

Khấu hao máy móc thiết bị :

6	Nợ	641	6.000.000
	Nợ	642	4.000.000
	Có	214	10.000.000

Báo hỏng một CCDC bộ phận bán hàng :

7	Nợ	641	4.000.000
	Có	142	4.000.000

Xuất kho một CCDC sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp :

8	Nợ	642	2.000.000
	Có	153	2.000.000

Chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt :

9	Nợ	641	8.000.000
	Nợ	642	4.000.000
	Nợ	133	1.200.000
	Có	111	13.200.000

Xuất kho sản phẩm A đi tiêu thụ :

10a	Nợ	632	8.000.000
		Có 155	8.000.000

Ghi nhận doanh thu :

10b	Nợ	131	44.000.000
		Có 511	40.000.000
		Có 3331	4.000.000

Xuất kho sản phẩm B đi tiêu thụ :

11a	Nợ	632	40.000.000
		Có 156	40.000.000

Ghi nhận doanh thu :

11b	Nợ	131	220.000.000
		Có 511	200.000.000
		Có 3331	20.000.000

Thanh toán bằng chuyển khoản 80%, còn lại thanh toán bằng tiền mặt :

11c	Nợ	111	44.000.000
		Nợ 112	176.000.000
		Có 131	220.000.000

Thanh toán tiền lương đợt 2 cho CB-CNV trong doanh nghiệp :

12	Nợ	334	66.000.000
		Có 111	66.000.000

Kết chuyển chi phí :

13a	Nợ	911	147.400.000
		Có 632	48.000.000
		Có 641	77.500.000
		Có 642	21.900.000

Kết chuyển doanh thu :

13b	Nợ	511	240.000.000
		Có 911	240.000.000

Kết chuyển lãi :

14	Nợ	911	92.600.000
		Có 421	92.600.000

6.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI

6.3.1 Bài tập số 01

Tại doanh nghiệp sản xuất, thương mại và kinh doanh dịch vụ Thái Nguyên có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan như sau :

- Xuất kho 500 sản phẩm để bán trực tiếp cho khách hàng; giá xuất kho là 1.000.000 đồng/sản phẩm, giá bán chưa có thuế là 1.400.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT tính theo thuế suất 10%. Tiền bán hàng thu khách hàng chưa thanh toán.
- Khoản giảm giá cho khách hàng là 9.800.000 đồng và tính trừ vào số tiền khách hàng đang nợ.
- Khách hàng trả lại 40 sản phẩm do không bảo đảm chất lượng. Doanh nghiệp đã nhập lại kho số sản phẩm này và xóa nợ cho khách hàng đối với số sản phẩm bị trả lại.
- Tình hình chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh :
 - Tiền lương phải thanh toán cho nhân viên bán hàng là 35.000.000 đồng, nhân viên quản lý doanh nghiệp là 20.000.000 đồng.
 - Trích BHXH, BHYT và KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
 - Khấu hao vào TSCĐ tính vào chi phí bán hàng là 27.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 18.000.000 đồng.

- Chi phí khác trả bằng tiền mặt là 29.000.000 đồng, tính vào chi phí bán hàng là 16.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 13.000.000 đồng.
- 5. Cuối tháng doanh nghiệp đã kết chuyển các khoản có liên quan để xác định kết quả kinh doanh.
- 6. Trong kỳ, doanh nghiệp tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng tiền mặt là 2.000.000 đồng.

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sơ đồ tài khoản.

6.3.2 Bài tập số 02

Tại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thương mại Hồng Phát có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận trong các tài liệu sau :

Tài liệu 1 : Số dư đầu kỳ của một số tài khoản :

- Nguyên vật liệu A : 5.000 kg x 6.600 đồng/kg.
- Nguyên vật liệu B : 3.000 kg x 4.300 đồng/kg.
- Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ : 3.000.000 đồng.

Tài liệu 2 : Tình hình phát sinh trong kỳ :

1. Nhập kho 1.000 kg nguyên vật liệu A; giá mua theo hóa đơn 5.500 đồng/kg, trong đó thuế GTGT 10%. Nhập kho 500 kg nguyên vật liệu B; giá hóa đơn 2.750 đồng/kg, trong đó thuế GTGT 10%. Biết rằng lô nguyên vật liệu này chưa thanh toán cho nhà cung cấp. Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu trả bằng tiền mặt 1.500.000 đồng, được phân bổ cho mỗi loại vật liệu theo tiêu thức trọng lượng nhập kho.
2. Xuất kho vật liệu A để sản xuất sản phẩm 750 kg. Xuất kho vật liệu B để sản xuất sản phẩm là 250 kg, phục vụ cho phân xưởng sản xuất 50 kg.

3. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất là 36.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng là 20.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 14.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 10.000.000 đồng.
4. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ 19% tính vào các chi phí có liên quan; 6% khấu trừ lương nhân viên.
5. Bộ phận bán hàng báo hỏng một công cụ, dụng cụ có giá xuất kho là 9.000.000 đồng, thuộc loại phân bổ 3 lần, phế liệu bán thu bằng tiền mặt là 1.000.000 đồng.
6. Khấu hao tài sản cố định trích trong tháng ở phân xưởng sản xuất là 1.800.000 đồng; Bộ phận bán hàng : 1.500.000 đồng; Bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.200.000 đồng.
7. Chi phí khác thanh toán bằng tiền mặt là 8.800.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, chi phí này phân bổ cho phân xưởng sản xuất là 4.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 2.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 2.000.000 đồng.
8. Xuất kho một công cụ, dụng cụ sử dụng ở phân xưởng sản xuất trị giá xuất kho 6.000.000 đồng, biết rằng công cụ, dụng cụ này thuộc loại phân bổ 6 lần.
9. Kết quả sản xuất hoàn thành nhập kho 500 sản phẩm, biết rằng chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ 2.400.000 đồng.
10. Xuất kho 300 sản phẩm bán trực tiếp cho khách hàng. Giá bán chưa có 10% thuế GTGT là 50.000 đồng/sản phẩm, tiền bán hàng thu bằng chuyển khoản phân nửa; phần còn lại khách hàng nợ.

Yêu cầu :

1. Tính toán, định khoản, phản ánh vào sơ đồ tài khoản.
2. Xác định đơn giá xuất kho nguyên vật liệu A, B.
3. Tính giá thành đơn vị sản phẩm.

4. Xác định kết quả kinh doanh. Biết rằng, vật liệu, thành phẩm xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân.

6.3.3 Bài tập số 03

Tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Vĩnh Lộc có các số liệu liên quan đến hoạt động trong kỳ được kế toán ghi nhận trong các tài liệu như sau :

Số dư đầu kỳ của tài khoản 154 : 4.000.000 đồng.

Tình hình phát sinh trong kỳ :

1. Xuất kho 50.000.000 đồng vật liệu sử dụng cho trực tiếp sản xuất sản phẩm 42.000.000 đồng, cho phục vụ ở phân xưởng sản xuất 4.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 1.500.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.500.000 đồng.
2. Tiền lương phải thanh toán cho người lao động là 16.000.000 đồng, trong đó, cho công nhân trực tiếp sản xuất là 9.000.000 đồng, nhân viên phân xưởng là 2.000.000 đồng, cho nhân viên bán hàng là 2.000.000 đồng và nhân viên quản lý doanh nghiệp 3.000.000 đồng.
3. Trích BHXH, BHYT và KPCĐ theo tỷ lệ quy định để tính vào chi phí có liên quan, kể cả phần trừ lương của người lao động.
4. Bộ phận bán hàng báo hỏng một công cụ, dụng cụ có giá xuất kho là 9.000.000 đồng, thuộc loại phân bổ 3 lần, phế liệu bán thu bằng tiền mặt là 1.000.000 đồng.
5. Khấu hao tài sản cố định là 10.000.000 đồng, phân bổ cho phân xưởng sản xuất là 6.000.000 đồng, cho bộ phận bán hàng là 1.500.000 đồng, cho bộ phận là 2.500.000 đồng.
6. Trong kỳ sản xuất hoàn thành 1.000 sản phẩm, đã nhập kho thành phẩm. Cho biết chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là 3.200.000 đồng.

7. Xuất kho 200 sản phẩm gửi đi bán, giá bán 100.000 đồng, thuế GTGT 10%.
8. Các chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt theo hóa đơn gồm 10% thuế GTGT là 13.200.000 đồng, phân bổ cho bộ phận sản xuất là 2.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 6.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 4.000.000 đồng.
9. Xuất kho 800 sản phẩm vừa sản xuất xong để bán trực tiếp cho khách hàng, giá bán chưa có thuế là 80.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT tính theo thuế suất 10%. Tiền bán hàng khách hàng chưa thanh toán.
10. Khách hàng thanh toán tiền mua sản phẩm cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng, chiết khấu cho khách hàng là 1% giá bán chưa có thuế.

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản chữ T. Tiến hành kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

6.3.4 Bài tập số 04

Tại công ty TNHH Đài Việt có các số liệu liên quan đến hoạt động sản xuất trong kỳ được kế toán ghi nhận trong các tài liệu sau :

Tài liệu 1 : Số dư đầu kỳ của một số tài khoản :

- Giá trị sản phẩm dở dang : 5.000.000 đồng.
- Thành phẩm : 1.000 thành phẩm x 8.000 đồng/thành phẩm.

Tài liệu 2 : Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Xuất kho nguyên vật liệu chính 40.000.000 đồng và nguyên vật liệu phụ 16.000.000 đồng để sản xuất sản phẩm.
2. Xuất kho vật liệu phụ 8.000.000 đồng để dùng cho phân xưởng sản xuất.

3. Xuất một số công cụ dụng cụ dùng cho phân xưởng sản xuất trị giá ban đầu là 6.000.000 đồng, biết rằng công cụ, dụng cụ này thuộc loại phân bổ 2 lần.
4. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 40.000.000 đồng. Trả cho công nhân phục vụ và nhân viên quản lý phân xưởng là 24.000.000 đồng.
5. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn tính 19% trên tiền lương và trừ vào lương của người lao động.
6. Khấu hao tài sản cố định ở phân xưởng sản xuất 14.000.000 đồng.
7. Báo hỏng một công cụ, dụng cụ ở phân xưởng sản xuất trị giá ban đầu là 3.000.000 đồng, công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 3 lần.
8. Tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại chưa thanh toán cho khách hàng chưa có 10% thuế GTGT, phân bổ cho bộ phận sản xuất 2.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 12.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000 đồng.
9. Cuối kỳ, hoàn thành nhập kho 16.000 sản phẩm. Cho biết giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là 24.000.000 đồng. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo nguyên vật liệu chính, xuất kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước.
10. Xuất kho thành phẩm để bán trực tiếp cho khách hàng 12.000 sản phẩm theo giá bình quân. Giá bán 20.000 đồng/sản phẩm, khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt, 50% còn lại chưa thanh toán.
11. Các chi phí khác thuộc chi phí bán hàng đã chi bằng tiền mặt là 20.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp thanh toán bằng chuyển khoản là 30.000.000 đồng.

12. Các chi phí khác thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp đã chi bằng tiền mặt là 30.000.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và ghi vào tài khoản.
2. Xác định kết quả lãi lỗ trong kỳ.
3. Lập báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ. Biết rằng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 28%.

6.3.5 Bài tập số 05

Tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Thành Công trong kỳ có các nghiệp vụ phát sinh như sau :

1. Doanh nghiệp mua một số nguyên vật liệu nợ người bán 165.000.000 đồng, trong đó thuế GTGT 15.000.000 đồng.
2. Doanh nghiệp nhận vốn góp của cổ đông bằng một tài sản cố định hữu hình trị giá 80.000.000 đồng, đã hao mòn 10.000.000 đồng.
3. Doanh nghiệp dùng tiền mặt mua một số công cụ trị giá 6.000.000 đồng, thuế GTGT 10%.
4. Doanh nghiệp xuất nguyên vật liệu chính để trực tiếp sản xuất sản phẩm là 60.000.000 đồng.
5. Doanh nghiệp xuất vật liệu phụ để trực tiếp sản xuất sản phẩm 10.000.000 đồng.
6. Doanh nghiệp thu khoản phải thu khác bằng tiền mặt 2.000.000 đồng.
7. Doanh nghiệp xuất công cụ cho quản lý phân xưởng 2.000.000 đồng.

8. Doanh nghiệp xuất nhiên liệu để trực tiếp sản xuất sản phẩm 5.000.000 đồng, cho quản lý phân xưởng 1.000.000 đồng, cho quản lý doanh nghiệp 2.000.000 đồng.
9. Doanh nghiệp dùng tiền mặt chi tiếp khách tính vào quản lý doanh nghiệp là 1.000.000 đồng.
10. Tiền điện phải trả cho người cung cấp là 9.900.000 đồng trong đó thuế GTGT là 900.000 đồng, tính cho bộ phận quản lý phân xưởng 6.000.000 đồng và quản lý doanh nghiệp là 3.000.000 đồng.
11. Doanh nghiệp xuất công cụ cho quản lý doanh nghiệp 5.000.000 đồng phân bổ dần trong 5 tháng.
12. Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản cố định là 10.000.000 đồng phân bổ cho phân xưởng sản xuất là 7.000.000 đồng, quản lý doanh nghiệp là 3.000.000 đồng.
13. Doanh nghiệp dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ cho ngân sách 10.000.000 đồng.
14. Doanh nghiệp vay ngắn hạn ngắn hạn trả nợ cho người bán 40.000.000 đồng.
15. Doanh nghiệp xuất kho bán một số thành phẩm theo giá xuất kho 30.000.000 đồng, giá bán chưa có thuế là 40.000.000 đồng; thuế GTGT là 10%, người mua nhận hàng tại kho của doanh nghiệp và chưa trả tiền. Chi phí bốc vác thành phẩm trả bằng tiền mặt 1.000.000 đồng.
16. Doanh nghiệp phải trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 10.000.000 đồng, nhân viên quản lý phân xưởng 2.000.000 đồng, nhân viên quản lý doanh nghiệp 4.000.000 đồng.
17. Doanh nghiệp trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn theo tỷ lệ tiền lương đưa vào chi phí.

18. Doanh nghiệp rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 16.000.000 đồng.
19. Doanh nghiệp dùng tiền mặt trả lương cho CNV 15.040.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên và ghi vào các tài khoản liên quan.
2. Tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp và nhập kho thành phẩm, biết rằng : Sản phẩm dở dang đầu kỳ 12.000.000 đồng, tính theo vật liệu chính. Sản phẩm dở dang cuối kỳ tính theo vật liệu chính là : 15.000.000 đồng. Số lượng thành phẩm nhập kho là : 1.000 sản phẩm.
3. Lập bảng tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.
4. Tính lãi (lỗ) của doanh nghiệp và kết chuyển lãi (lỗ).
5. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào để xác định số thuế còn lại được khấu trừ hoặc còn phải nộp.
6. Lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ, lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

6.3.6 Bài tập số 06

Tại một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại Hoàng Thành, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ tiền mặt 60.000.000 đồng.
2. Mua nguyên vật liệu chính 154.000.000 đồng, vật liệu phụ 46.000.000 đồng, phụ tùng 2.000.000 đồng, thuế suất GTGT là 10%, tất cả chưa thanh toán cho người bán.
3. Xuất kho nguyên vật liệu chính 40.000.000 đồng, vật liệu phụ 14.200.000 đồng dùng vào việc sản xuất sản phẩm.

4. Các chi phí thuộc chi phí sản xuất chung trả bằng tiền mặt 1.750.000 đồng và trả bằng chuyển khoản 4.200.000 đồng, sử dụng phụ tùng 720.000 đồng và công cụ dụng cụ trị giá 1.800.000 đồng.
5. Được ngân hàng cho vay ngắn hạn thanh toán hóa đơn mua nguyên vật liệu chính và vật liệu phụ là 154.000.000 đồng và 46.000.000 đồng.
6. Các chi phí thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp trả bằng tiền mặt 9.000.000 đồng, trả bằng chuyển khoản 7.000.000 đồng, sử dụng vật liệu phụ 1.800.000.đồng, công cụ dụng cụ 1.200.000 đồng.
7. Tính tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm 40.000.000 đồng, cho nhân viên quản lý phân xưởng 5.400.000 đồng và cho nhân viên quản lý doanh nghiệp 7.200.000 đồng.
8. Trả lương cho công nhân viên bằng tiền mặt đợt 1 50% trên tổng tiền lương phát sinh trong kỳ.
9. Sản xuất hoàn thành nhập kho 1.000 thành phẩm, biết rằng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ là 7.000.000 đồng, số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ là 200 sản phẩm, doanh nghiệp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính.
10. Xuất kho 500 thành phẩm để bán trực tiếp cho khách hàng, giá hóa đơn bán sản phẩm chưa gồm 10% thuế GTGT, giao cho người mua là 50.000 đồng/sản phẩm. Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, thuế suất thuế GTGT 10%.
11. Người mua chuyển khoản thanh toán 50% bằng tiền mặt, 50% bằng tiền gửi ngân hàng.

12. Trả nợ vay ngắn hạn 50.000.000 đồng bằng chuyển khoản.
13. Trả nợ người bán bằng tiền mặt về hóa đơn mua phụ tùng.
14. Kết chuyển chi phí và doanh thu trong kỳ vào tài khoản, xác định kết quả kinh doanh. Chuyển lãi/lỗ vào tài khoản thu nhập chưa phân phối ?

Yêu cầu :

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế vào sơ đồ tài khoản chữ T. Lập bảng kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3.7 Bài tập số 07

Tình hình tài sản của doanh nghiệp sản xuất và thương mại Vạn Thanh tính đến ngày 31/12/2007 như sau :

1. Tài sản cố định hữu hình	1.500.000.000 đồng
2. Hao mòn tài sản cố định	100.000.000 đồng
3. Công cụ	10.000.000 đồng
4. Hàng hóa	100.000.000 đồng
5. Chi phí trả trước	5.000.000 đồng
6. Tiền mặt	50.000.000 đồng
7. Tiền gửi ngân hàng	150.000.000 đồng
8. Nợ người bán	50.000.000 đồng
9. Người mua nợ	60.000.000 đồng
10. Khoản phải thu khác	40.000.000 đồng
11. Khoản phải trả khác	20.000.000 đồng
12. Nợ ngân sách	30.000.000 đồng

13. Tài sản thiếu chờ xử lý	10.000.000 đồng
14. Lãi chưa phân phối	X
15. Nguồn vốn kinh doanh	1.500.000.000 đồng
16. Quỹ đầu tư phát triển	20.000.000 đồng
17. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	70.000.000 đồng
18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	40.000.000 đồng
19. Vay ngắn hạn ngân hàng	70.000.000 đồng
20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.000.000 đồng

Trong tháng 01 năm 2008 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau :

1. Doanh nghiệp mua 1 số hàng hóa nợ người bán 550.000.000 đồng, trong đó thuế GTGT 50.000.000 đồng.
2. Doanh nghiệp thu khoản phải thu khác bằng tiền mặt là 5.000.000 đồng.
3. Doanh nghiệp dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ ngân sách 10.000.000 đồng.
4. Doanh nghiệp trả chi phí vận chuyển bốc xếp hàng hóa bằng tiền mặt 2.200.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 200.000 đồng.
5. Doanh nghiệp vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ người bán 300.000.000 đồng.
6. Doanh nghiệp dùng tiền mặt mua công cụ 5.000.000 đồng.
7. Tài sản thiếu doanh nghiệp giải quyết giảm vốn kinh doanh là 5.000.000 đồng.
8. Doanh nghiệp xuất kho bán một số hàng hóa theo giá trị xuất kho là 400.000.000 đồng, giá bán chưa có thuế là 480.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, người mua nhận hàng tại kho của doanh nghiệp, trả 1/2 bằng tiền mặt, còn 1/2 nợ lại.

9. Chi phí bốc vác hàng hóa khi bán doanh nghiệp trả tiền mặt 2.000.000 đồng.
10. Tiền điện phải trả là 5.500.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 500.000 đồng, phân bổ cho bộ phận quản lý 2.000.000 đồng, bộ phận tiêu thụ 3.000.000 đồng.
11. Doanh nghiệp trích khấu hao TSCĐ hữu hình ở bộ phận quản lý 8.000.000 đồng, ở bộ phận tiêu thụ 6.000.000 đồng.
12. Doanh nghiệp trả lãi tiền vay ngắn hạn ngân hàng 4.000.000 đồng.
13. Doanh nghiệp được ngân sách cấp tài sản cố định hữu hình trị giá 50.000.000 đồng.
14. Doanh nghiệp chi quỹ khen thưởng phúc lợi bằng tiền gửi ngân hàng là 5.000.000 đồng.
15. Doanh nghiệp trả chi phí tiếp khách ở bộ phận quản lý bằng tiền mặt là 1.000.000 đồng.
16. Tiền lương doanh nghiệp phải trả ở bộ phận quản lý là 1.000.000 đồng, ở bộ phận tiêu thụ là 8.000.000 đồng.
17. Doanh nghiệp trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn theo tỷ lệ tiền lương đưa vào chi phí, kể cả phần trừ lương.
18. Doanh nghiệp được người mua trả nợ 20.000.000 đồng, doanh nghiệp trả luôn nợ vay ngắn hạn ngân hàng.
19. Doanh nghiệp xuất công cụ cho bộ phận quản lý 4.000.000 đồng, phân bổ dần trong 5 tháng.
20. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào để xác định số thuế còn lại.

Yêu cầu :

1. Tìm X.

2. Mở tài khoản và ghi số dư đầu kỳ vào tài khoản chữ T.
3. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên và ghi vào các tài khoản liên quan.
4. Tính kết quả lãi (lỗ) và kết chuyển lãi lỗ của doanh nghiệp vào cuối kỳ.
5. Lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ.
6. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

6.3.8 Bài tập số 08

Tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Thanh Hà có các số liệu liên quan đến quá trình sản xuất được kế toán ghi nhận như sau :

Số dư đầu kỳ của tài khoản 154 là 10.000.000 đồng.

Trong kỳ, tại doanh nghiệp, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Mua nguyên, vật liệu nhập kho chưa trả tiền người bán, giá chưa có 10% thuế GTGT là 300.000.000 đồng, thuế suất thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển nguyên, vật liệu về nhập kho (chưa thuế GTGT) đã trả bằng tiền mặt là 5.000.000 đồng, khoản giảm giá được hưởng là 2% trên giá mua chưa thuế.
2. Xuất kho nguyên, vật liệu sử dụng cho các bộ phận trực tiếp sản xuất là 150.000.000 đồng, bộ phận phục vụ sản xuất là 20.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 5.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 3.000.000 đồng.
3. Tính lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất là 80.000.000 đồng, nhân viên quản lý phân xưởng là 10.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 20.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 30.000.000 đồng.

4. Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí liên quan kể cả phần trừ lương.
5. Xuất kho công cụ, dụng cụ loại phân bổ 1 lần sử dụng ở các bộ phận sản xuất là 1.700.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.000.000 đồng và bộ phận bán hàng là 3.000.000 đồng.
6. Nhận được hóa đơn tiền điện, tiền nước phát sinh ở các bộ phận sản xuất là 5.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 1.000.000 đồng, và bộ phận bán hàng là 2.000.000 đồng.
7. Trong kỳ, bộ phận sản xuất đã hoàn thành và nhập kho 10.000 sản phẩm A. Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là 2.400.000 đồng, doanh nghiệp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính.
8. Xuất kho 800 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp, đơn giá bán là 50.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán.
9. Nhận được giấy báo có của ngân hàng do khách hàng thanh toán lô hàng ở nghiệp vụ số 8.
10. Xuất kho 100 sản phẩm gửi đi bán, giá bán gồm 10% thuế GTGT là 61.500 đồng.

Yêu cầu :

Tính toán định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản có liên quan. Tính giá thành sản phẩm nhập kho trong kỳ. Biết rằng doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

6.3.9 Bài tập số 09

Tại 1 doanh nghiệp sản xuất và thương mại Trường Duy có các số liệu liên quan đến tình hình sản xuất của doanh nghiệp như sau :

- Số dư đầu kỳ của tài khoản 154 : 4.000.000 đồng.
 - Tình hình phát sinh trong kỳ :
1. Xuất kho 50.000.000 đồng vật liệu sử dụng cho :
 - Trực tiếp sản xuất sản phẩm : 42.000.000 đồng
 - Phục vụ ở phân xưởng sản xuất : 4.000.000 đồng
 - Bộ phận bán hàng : 1.500.000 đồng
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp : 2.500.000 đồng
 2. Tiền lương phải thanh toán cho CNV là 16.000.000 đồng, trong đó :
 - Công nhân trực tiếp sản xuất : 9.000.000 đồng
 - Nhân viên phân xưởng : 2.000.000 đồng
 - Nhân viên bán hàng : 2.000.000 đồng
 - Nhân viên quản lý doanh nghiệp : 3.000.000 đồng
 3. Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định để tính vào chi phí có liên quan, kể cả phần trừ lương.
 4. Bộ phận sản xuất báo hỏng một công cụ dụng cụ có giá xuất kho ban đầu là 3.000.000 đồng, công cụ, dụng cụ thuộc loại phân bổ 3 lần.
 5. Khấu hao tài sản cố định là : 10.000.000 đồng, phân bổ cho :
 - Phân xưởng sản xuất : 6.000.000 đồng
 - Bộ phận bán hàng : 1.500.000 đồng
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp : 2.500.000 đồng
 6. Chi phí khác phát sinh chưa trả cho nhà cung cấp có trị giá theo hóa đơn là 17.600.000 đồng, phân bổ cho bộ phận bán

- hàng là 10.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 6.000.000 đồng.
7. Trong kỳ sản xuất hoàn thành 2.000 sản phẩm, đã nhập kho thành phẩm. Cho biết chi phí sản xuất dở dang cuối tháng là 3.200.000 đồng.
 8. Xuất kho 500 sản phẩm bán trực tiếp cho khách hàng giá bán chưa thuế GTGT là 40.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán.
 9. Xuất kho 200 sản phẩm gửi đi bán giá bán chưa thuế GTGT 10% là 38.000 đồng/sản phẩm. Mười ngày sau, khách hàng thông báo đồng ý mua lô hàng 200 sản phẩm này, và đã thanh toán cho doanh nghiệp bằng chuyển khoản.
 10. Xuất kho 300 sản phẩm bán trực tiếp cho khách hàng, giá bán 34.000 đồng/sản phẩm khách hàng thanh toán bằng tiền mặt cho doanh nghiệp.

Yêu cầu :

1. Định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sơ đồ tài khoản.
2. Tính giá thành sản phẩm nhập kho trong kỳ
3. Tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3.10 Bài tập số 10

Tại doanh nghiệp Đại Lợi chuyên sản xuất và tiêu thụ sản phẩm A. Có các số liệu về tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm A như sau :

Số dư đầu kỳ tài khoản 154 : 12.000.000 đồng

Trong kỳ, tại doanh nghiệp, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh :

1. Mua nguyên, vật liệu nhập kho chưa trả tiền người bán M, giá mua là 250.000.000 đồng. thuế suất thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển nguyên, vật liệu về nhập kho là 4.000.000 đồng, thanh toán bằng tiền mặt.
2. Xuất kho nguyên, vật liệu sử dụng cho các bộ phận trực tiếp sản xuất là 120.000.000 đồng, bộ phận phục vụ sản xuất là 30.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 6.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 4.000.000 đồng.
3. Tạm ứng cho nhân viên A 20.000.000 đồng bằng tiền mặt.
4. Tính tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất là 120.000.000 đồng, cho nhân viên quản lý phân xưởng là 30.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 30.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 20.000.000 đồng.
5. Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định để tính vào chi phí có liên quan, kể cả phần trừ lương.
6. Khấu hao tài sản cố định tính cho các bộ phận sản xuất 12.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 6.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 4.000.000 đồng.
7. Doanh nghiệp ký quỹ mở L/C 20.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng.
8. Xuất kho công cụ, dụng cụ sử dụng cho các bộ phận sản xuất là 8.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 4.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 2.000.000 đồng.
9. Nhận được hóa đơn chưa có 10% thuế GTGT về tiền điện, nước phát sinh ở các bộ phận sản xuất là 12.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 3.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 5.000.000 đồng.

10. Bộ phận bán hàng báo hỏng một công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 6 lần, trị giá xuất kho ban đầu là 6.000.000 đồng, phế liệu thu hồi bán thu bằng tiền mặt là 500.000 đồng.
11. Trong kỳ, bộ phận sản xuất đã hoàn thành và nhập kho 1.000 sản phẩm A. Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là 24.000.000 đồng.
12. Xuất kho 600 sản phẩm bán cho khách hàng X chưa thu tiền. Giá bán chưa thuế GTGT là 500.000 đồng/sản phẩm, thuế suất thuế GTGT là 10%. Doanh nghiệp tính giá xuất kho thành phẩm theo giá bình quân gia quyền liên hoàn.

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản có liên quan. Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3.11 Bài tập số 11

Tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Tường Hưng trong kỳ có tình hình hoạt động kinh doanh được kế toán ghi nhận như sau :

1. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt là 50.000.000 đồng.
2. Nhập kho 12.000 sản phẩm hoàn thành từ sản xuất, biết rằng tổng giá thành nhập kho là 120.000.000 đồng.
3. Xuất kho 3.750 sản phẩm đem bán, giá bán chưa thuế 16.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%, bên mua đã nhận hàng và thanh toán toàn bộ tiền hàng bằng tiền mặt. Biết rằng giá xuất kho thành phẩm là giá thành sản xuất sản phẩm trong kỳ.
4. Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ bao gồm : Tiền lương phải thanh toán cho nhân viên bán hàng là 8.000.000 đồng. Tiền lương phải thanh toán cho nhân viên quản lý doanh nghiệp là 12.000.000 đồng.

5. Bộ phận quản lý doanh nghiệp báo hỏng một công cụ dụng cụ thuộc loại phân bổ 2 lần có trị giá xuất kho ban đầu là 4.000.000 đồng, phế liệu bán chưa thu của khách hàng 500.000 đồng.
6. Khấu hao TSCĐ phân bổ cho bộ phận bán hàng là 4.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.000.000 đồng.
7. Công cụ dụng cụ xuất dùng sử dụng cho bộ phận bán hàng là 3.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.000.000 đồng.
8. Ngân hàng báo có lãi tiền vay ngân hàng trong kỳ là 1.250.000 đồng.
9. Chi phí tiếp khách bằng tiền mặt 6.600.000 đồng, trong đó gồm 10% thuế GTGT, phân bổ cho bộ phận bán hàng là 2.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 4.000.000 đồng.
10. Cuối kỳ tiến hành kết chuyển các khoản có liên quan để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu : Định khoản và phản ánh tình hình trên vào sơ đồ tài khoản. Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3.12 Bài tập số 12

Tại 1 doanh nghiệp thương mại trong kỳ có tài liệu liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, được kế toán ghi nhận như sau :

1. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt là 50.000.000 đồng.
2. Nhập kho 4.000 sản phẩm A, giá mua 150.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán.
3. Xuất hàng A để bán cho khách hàng M với số lượng là 4.200 sản phẩm, giá bán là 210.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán tiền hàng. Biết rằng, số lượng

- hàng A tồn đầu kỳ là 2.000 sản phẩm, tổng trị giá là 280.000.000 đồng. Doanh nghiệp tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO). Chi phí vận chuyển hàng tiêu thụ thanh toán bằng tiền mặt : 4.000.000 đồng.
4. Ngân hàng báo nợ 400.000.000 đồng về khoản thanh toán nợ cho người bán ở nghiệp vụ số 2, số còn lại thanh toán bằng tiền mặt.
 5. Xuất kho 1.000 sản phẩm A gửi đi bán, giá bán là 250.000 đồng, thuế GTGT là 10%.
 6. Công cụ dụng cụ xuất sử dụng ở bộ phận bán hàng 12.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 8.000.000 đồng.
 7. Khách hàng M thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản (doanh nghiệp đã nhận được báo Có của ngân hàng).
 8. Chi phí bán hàng phát sinh bao gồm tiền lương nhân viên 18.000.000 đồng, khấu hao tài sản cố định là 12.000.000 đồng, tiền điện, điện thoại phải trả 13.200.000 đồng, trong đó gồm 10% thuế GTGT. Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm sử dụng cho phòng kế toán 12.100.000 đồng, trong đó gồm 10% thuế GTGT.
 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh bao gồm tiền lương nhân viên 15.000.000 đồng, khấu hao tài sản cố định là 8.000.000 đồng, tiền điện, điện thoại phải trả 6.600.000 đồng, trong đó gồm 10% thuế GTGT. Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm sử dụng cho phòng kế toán 4.620.000 đồng, trong đó gồm 10% thuế GTGT.
 10. Kết chuyển các khoản phải kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh các nghiệp vụ phát sinh vào sơ đồ tài khoản. Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3.13 Bài tập số 13

Tại doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại, trong kỳ có các số liệu liên quan đến sản xuất và tiêu thụ 02 loại sản phẩm A và B.

Tài liệu 1 : Số dư đầu kỳ của một số tài khoản như sau :

- TK 1521 : 24.000.000 đồng (số lượng 4.000 kg).
- TK 1522 : 5.600.000 đồng (số lượng 2.800 kg).
- TK 154 : 12.000.000 đồng, trong đó chi tiết gồm :
 - + Tài khoản 154 A : 8.000.000 đồng.
 - + Tài khoản 154 B : 4.000.000 đồng.

Tài liệu 2 : Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau :

1. Nhập kho 5.000 kg vật liệu chính và 2.000 kg vật liệu phụ. Giá mua chưa có thuế GTGT lần lượt là 5.600 đồng/kg vật liệu chính và 2.000 đồng/kg vật liệu phụ, thuế GTGT là 10%. Doanh nghiệp chưa trả tiền cho người bán. Chi phí vận chuyển chi trả bằng tiền mặt : giá cước chưa có thuế GTGT 1.400.000 đồng, thuế GTGT 5%. Doanh nghiệp đã phân bổ chi phí vận chuyển cho vật liệu chính là 1.000.000 đồng, vật liệu phụ 400.000 đồng.

2. Xuất kho vật liệu :

Loại vật liệu	Vật liệu chính (kg)	Vật liệu phụ (kg)
Đối tượng chịu chi phí		
Sản xuất SP A	5.000	1.800
Sản xuất SP B	2.000	2.200
Phục vụ và quản lý phân xưởng	-	200
Hoạt động bán hàng	-	100
Quản lý doanh nghiệp	-	100

3. Trích khấu hao tài sản cố định tính vào chi phí trong kỳ :

- Tài sản cố định dùng để trực tiếp sản xuất sản phẩm, nguyên giá là 960.000.000 đồng, biết rằng tỷ lệ khấu hao năm là 12%.
- Nhà kho và phương tiện vận tải phục vụ cho phân xưởng sản xuất, nguyên giá là 600.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao năm là 15%.
- Phương tiện quản lý phục vụ cho bộ phận bán hàng, nguyên giá 480.000.000 đồng, thời gian sử dụng là 10 năm, phục vụ cho bộ phận quản lý 240.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao 10%/năm.

4. Tiền lương phải trả của công nhân viên tính vào chi phí :

- Tiền lương của công nhân sản xuất sản phẩm A : 60.000.000 đồng
- Tiền lương của công nhân sản xuất sản phẩm B : 40.000.000 đồng
- Tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng : 12.000.000 đồng
- Tiền lương của nhân viên bán hàng : 20.000.000 đồng
- Tiền lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp : 10.000.000 đồng

5. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, kể cả phần trừ lương của người lao động.

6. Tiền điện trả bằng tiền mặt dùng vào việc sản xuất và quản lý sản xuất tại phân xưởng là 3.300.000 đồng, trong đó thuế GTGT : 300.000 đồng, ở bộ phận bán hàng là 4.400.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.860.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT.

7. Vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm A sử dụng không hết nhập lại kho nguyên vật liệu chính là 2.000.000 đồng.
8. Báo cáo kết quả sản xuất nhập kho 10.000 sản phẩm A và 6.000 sản phẩm B. Chi phí sản xuất dở dang của sản phẩm A 5.940.000 đồng, của sản phẩm B là 2.820.000 đồng. Doanh nghiệp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính.
9. Xuất kho 4.000 sản phẩm A và 2.000 sản phẩm B đi tiêu thụ trực tiếp, giá bán một đơn vị sản phẩm A và một đơn vị sản phẩm B lần lượt là 20.000 đồng/sản phẩm và 18.000 đồng/sản phẩm, thuế suất thuế GTGT của 2 loại sản phẩm A và B đều là 10%. Khách hàng chưa thanh toán.
10. Xuất kho 3.000 sản phẩm A và 1.000 sản phẩm B gửi đi bán, giá bán một đơn vị sản phẩm A và một đơn vị sản phẩm B lần lượt là 22.000 đồng/sản phẩm và 20.000 đồng/sản phẩm, thuế suất thuế GTGT của 2 loại sản phẩm A và B đều là 10%.
11. Ngân hàng báo có tài khoản tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp về khoản khách hàng thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp ở nghiệp vụ 9.
12. Khách hàng đồng ý mua lô hàng gửi đi ở nghiệp vụ số 10.

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh các nghiệp vụ phát sinh vào sơ đồ tài khoản chữ T. Xác định giá thành đơn vị sản phẩm A và sản phẩm B. Biết rằng, doanh nghiệp tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Chi phí sản xuất chung phân bổ theo tiền lương của công nhân sản xuất.

6.3.14 Bài tập số 14

Tại một doanh nghiệp sản xuất và thương mại Trường Hải có tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ được kế toán ghi nhận như sau :

1. Mua vật liệu nhập kho chưa thanh toán tiền cho người bán, số lượng 10.000 kg, đơn giá 16.200 đồng/kg, thuế GTGT 10%.
2. Mua công cụ dụng cụ thanh toán bằng tiền mặt, số lượng 200 công cụ, đơn giá 30.000 đồng/cái, thuế GTGT 10%.
3. Xuất vật liệu sử dụng sản xuất sản phẩm là 12.000 kg, biết rằng, vật liệu tồn đầu kỳ là 10.000 kg, đơn giá 16.000 đồng/kg. Doanh nghiệp tính giá xuất kho vật liệu theo phương pháp nhập trước xuất trước.
4. Tính lương phải trả công nhân trực tiếp sản xuất là 60.000.000 đồng. Trích các khoản trích theo lương theo quy định hiện hành.
5. Chi phí sản xuất chung tập hợp trong kỳ bao gồm khấu hao tài sản cố định là 8.000.000 đồng, tiền lương nhân viên quản lý phân xưởng là 12.000.000 đồng, trích các khoản trích theo quy định hiện hành. Vật liệu xuất dùng là 500 kg, công cụ xuất dùng là 100 công cụ.
6. Nhập kho 200 sản phẩm hoàn thành. Biết rằng, chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ là 2.000.000 đồng, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là 8.000.000 đồng.
7. Tạm ứng cho nhân viên bộ phận kinh doanh là 12.000.000 đồng.
8. Xuất bán 120 sản phẩm cho công ty A, giá bán chưa thuế 900.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%. Công ty A chưa thanh toán tiền hàng (Biết số lượng sản phẩm tồn đầu kỳ là 100 sản phẩm, đơn giá 880.000 đồng/sản phẩm và doanh nghiệp tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước).
9. Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ gồm tiền lương phải trả là 18.000.000 đồng, trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành, khấu hao tài sản cố định là 4.000.000 đồng, chi phí khác bằng tiền mặt là 6.000.000 đồng.

10. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ gồm vật liệu xuất dùng là 100 kg, tiền lương phải trả là 12.000.000 đồng, trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành, khấu hao tài sản cố định là 1.200.000 đồng, chi phí khác bằng tiền mặt là 2.500.000 đồng.

Yêu cầu : Định khoản, tính toán và phản ánh vào sơ đồ tài khoản. Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3.15 Bài tập số 15

Tại công ty TNHH Thái An thực hiện việc sản xuất và tiêu thụ một sản phẩm A có tài liệu kế toán trong kỳ được ghi nhận như sau :

1. Xuất kho vật liệu chính dùng cho sản xuất sản phẩm là 42.000.000 đồng, bộ phận quản lý và phục vụ sản xuất tại phân xưởng 100.000 đồng. (căn cứ vào phiếu xuất kho và các bảng kê có liên quan).
2. Xuất kho vật liệu phụ dùng cho sản xuất sản phẩm là 2.000.000 đồng, bộ phận quản lý và phục vụ sản xuất tại phân xưởng 800.000 đồng, bộ phận bán hàng 1.200.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 600.000 đồng. (căn cứ vào phiếu xuất kho và các bảng kê có liên quan).
3. Tiền lương phải trả trong kỳ (trích từ bảng thanh toán lương và các bảng phân bổ có liên quan) gồm : Tiền lương công nhân sản xuất sản phẩm là 24.000.000 đồng, tiền lương nhân viên phục vụ và quản lý phân xưởng là 6.000.000 đồng, tiền lương nhân viên bán hàng là 8.000.000 đồng và tiền lương nhân viên quản lý doanh nghiệp là 6.000.000 đồng.
4. Số khấu hao tài sản cố định trong kỳ (trích từ bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định), gồm có máy móc thiết bị và tài sản cố định khác dùng ở phân xưởng sản xuất là 8.500.000 đồng, cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và tài sản cố định khác phục

- vụ bộ phận bán hàng là 4.200.000 đồng, tài sản cố định dùng trong quản lý doanh nghiệp là 3.400.000 đồng.
5. Chi phí khác thanh toán bằng tiền mặt chưa gồm 10% thuế GTGT, dùng cho bộ phận phục vụ sản xuất là 13.600.000 đồng, dùng cho bộ phận bán hàng 17.800.000 đồng và dùng cho quản lý chung toàn doanh nghiệp là 14.600.000 đồng.
 6. Chi phí bao bì đóng gói phục vụ công tác tiêu thụ sản phẩm trong kỳ thanh toán bằng tiền mặt là 1.200.000 đồng.
 7. Báo cáo tình hình sản xuất : Kết quả thu được 500 sản phẩm hoàn thành nhập kho và một số sản phẩm dở dang trị giá 2.500.000 đồng. Biết rằng chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ là 1.300.000 đồng.
 8. Xuất kho 600 sản phẩm tiêu thụ trực tiếp, đơn giá bán x đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán tiền.
 9. Cuối kỳ còn một số sản phẩm dở dang trị giá 2.300.000 đồng và 400 sản phẩm tồn kho trị giá 80.000.000 đồng. Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá xuất kho sản phẩm theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
 10. Khách hàng thanh toán tiền hàng bằng tiền gửi ngân hàng cho việc mua chịu 600 sản phẩm trên (ngân hàng đã báo có).

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Xác định giá bán của sản phẩm trong kỳ, biết rằng lợi nhuận kỳ vọng là 10.000.000 đồng.

6.3.16 Bài tập số 16

Tại doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại Hoàng Quân có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận trong các tài liệu như sau :

Số dư đầu kỳ của tài khoản 154 : 1.300.000 đồng.

Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Xuất kho nguyên vật liệu dùng để trực tiếp sản xuất sản phẩm là 64.000.000 đồng, bộ phận quản lý và phục vụ ở phân xưởng sản xuất là 16.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 12.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 15.000.000 đồng.
2. Tiền lương phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất là 18.000.000 đồng, nhân viên quản lý phân xưởng là 14.000.000 đồng, cho nhân viên bán hàng là 13.400.000 đồng, nhân viên quản lý doanh nghiệp là 9.600.000 đồng.
3. Trích BHXH, BHYT và KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ BHXH, BHYT của CB-CNV.
4. Khấu hao tài sản cố định phân bổ cho phân xưởng sản xuất sản phẩm là 12.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 3.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 5.000.000 đồng.
5. Trong kỳ sản xuất và hoàn thành 2.000 sản phẩm đã nhập kho thành phẩm cho biết chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ 2.400.000 đồng.
6. Xuất kho 1.600 sản phẩm để bán trực tiếp cho khách hàng X, giá bán chưa có thuế là 28.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT tính theo thuế suất 10%. Tiền bán hàng, khách hàng chưa thanh toán.
7. Khách hàng thanh toán tiền mua sản phẩm cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng ở nghiệp vụ số 6, chiết khấu thanh toán cho khách hàng được hưởng là 1% giá bán chưa có thuế.
8. Xuất kho 200 sản phẩm để bán cho khách hàng Y, giá bán có thuế GTGT là 18.700 đồng/sản phẩm, trong đó thuế GTGT là 10%, khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản. Xác định giá thành đơn vị sản phẩm nhập kho. Tiến hành kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3.17 Bài tập số 17

Tại một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh Hoa Bắc, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Nhập kho 1.000 kg nguyên vật liệu, đơn giá mua 50.000 đồng/kg, thuế GTGT 10% chưa thanh toán tiền cho khách hàng. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ lô nguyên vật liệu này về đến kho của doanh nghiệp là 4.200.000 đồng, gồm 5% thuế GTGT, doanh nghiệp đã thanh toán hộ cho người bán bằng tiền mặt.
2. Nhập kho một công cụ dụng cụ trị giá mua trên hóa đơn chưa có thuế là 5.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, thanh toán bằng tiền mặt. Biết rằng công cụ dụng cụ này được sử dụng ở bộ phận quản lý phân xưởng, thuộc loại phân bổ 5 lần.
3. Nhập kho 2.000 kg nguyên vật liệu đơn giá mua là 55.000 đồng/kg, bao gồm 10% thuế GTGT thanh toán cho khách hàng bằng chuyển khoản. Người bán giao hàng tại kho của doanh nghiệp.
4. Mua một tài sản cố định có thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm, dùng tại bộ phận sản xuất sản phẩm, giá mua là 480.000.000 đồng, thuế GTGT là 10%, thanh toán cho khách hàng bằng chuyển khoản.
5. Bộ phận bán hàng báo hỏng một công cụ dụng cụ trị giá xuất kho ban đầu là 12.000.000 đồng, thuộc loại phân bổ 6 lần.
6. Xuất kho 1.200 kg nguyên vật liệu để trực tiếp sản xuất sản phẩm và 400 kg dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng.
7. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 30.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng là 10.000.000

đồng, bộ phận bán hàng 20.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp 10.000.000 đồng.

8. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
9. Xuất kho công cụ, dụng cụ mua vào ở nghiệp vụ số 2.
10. Các chi phí khác phát sinh tại phân xưởng sản xuất theo hóa đơn gồm 10% thuế GTGT thanh toán bằng tiền mặt 4.400.000 đồng.
11. Nhập kho 1.000 thành phẩm, số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ là 250, biết rằng chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ là 4.000.000 đồng. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ, hàng tồn kho đầu kỳ bằng 0. Mức khấu hao trong kỳ trước tại phân xưởng sản xuất là 6.000.000 đồng, ở bộ phận bán hàng là 5.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 3.000.000 đồng.
12. Xuất kho 500 sản phẩm gửi đi bán giá bán 50.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%.
13. Xuất kho 400 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp, đơn giá bán 66.000 đồng/sản phẩm, gồm 10% thuế GTGT nhưng khách hàng chưa thanh toán.
14. Chi phí khác phát sinh chưa thanh toán cho khách hàng ở bộ phận bán hàng 12.000.000 đồng, ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là 8.000.000 đồng.
15. Đóng thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp là 2.000.000 đồng, doanh nghiệp thanh toán bằng tiền mặt.

Yêu cầu :

1. Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản liên quan.
2. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên vào sổ nhật ký chung và sau đó phản ánh vào sổ cái.

3. Tính giá thành đơn vị, doanh nghiệp áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp nguyên vật liệu trực tiếp.
4. Tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3.18 Bài tập số 18

Tại một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại trong kỳ có tài liệu liên quan được kế toán tập hợp như sau :

1. Mua công cụ dụng cụ thanh toán bằng tiền mặt, số lượng 400 đơn vị, đơn giá 50.000 đồng/đơn vị, thuế GTGT 10%.
2. Mua vật liệu nhập kho chưa thanh toán tiền cho người bán, số lượng 10.000 kg, đơn giá 24.800 đồng/kg, thuế GTGT 10%.
3. Xuất vật liệu sử dụng sản xuất sản phẩm là 12.000 kg, biết rằng vật liệu tồn đầu kỳ là 10.000 kg, đơn giá 24.000 đồng/kg. Doanh nghiệp tính giá xuất kho vật liệu theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ.
4. Tiền lương phải trả công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm tại phân xưởng là 60.000.000 đồng.
5. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
6. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 40.000.000 đồng.
7. Chi phí sản xuất chung được kế toán tập hợp trong tháng bao gồm :
 - a. Khấu hao tài sản cố định là 6.000.000 đồng.
 - b. Tiền lương nhân viên phân xưởng là 12.000.000 đồng.
 - c. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo quy định.
 - d. Vật liệu xuất dùng là 500 kg.
 - e. Công cụ xuất dùng là 200 đơn vị.

- f. Chi phí khác thanh toán bằng tiền mặt là 400.000 đồng.
- 8. Nhập kho 1.000 sản phẩm hoàn thành. Biết rằng :
 - a. Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ là 360.000 đồng.
 - b. Số lượng sản xuất dở dang cuối kỳ là 50 sản phẩm.
- 9. Xuất kho 200 sản phẩm gửi đi bán, đơn giá bán 100.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%.
- 10. Chi phí bán hàng được kế toán tập hợp trong tháng bao gồm :
 - a. Khấu hao tài sản cố định là 5.000.000 đồng.
 - b. Tiền lương nhân viên bộ phận bán hàng là 10.000.000 đồng.
 - c. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo quy định.
 - d. Chi phí khác chưa thanh toán là 2.400.000 đồng, thuế GTGT 10%.
- 11. Chi phí quản lý doanh nghiệp được kế toán tập hợp trong tháng bao gồm :
 - a. Khấu hao tài sản cố định là 3.000.000 đồng
 - b. Tiền lương nhân viên bộ phận quản lý là 8.000.000 đồng.
 - c. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo quy định.
 - d. Chi phí khác chưa thanh toán là 1.200.000 đồng, thuế GTGT 10%.
- 12. Xuất kho 600 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp đơn giá bán là 110.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ phát sinh và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3.19 Bài tập số 19

Tại một doanh nghiệp có các tài liệu liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Doanh nghiệp mua sắm mới 1 tài sản cố định hữu hình, giá mua chưa có thuế GTGT ghi trên hóa đơn là 474.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, đã được doanh nghiệp trả bằng tiền gửi ngân hàng, chi phí phát sinh trước khi đưa vào sử dụng được tập hợp như sau :
 - Tiền lương phải trả cho người lao động là 1.000.000 đồng.
 - Vật liệu phụ xuất dùng là 2.000.000 đồng.
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng 1.000.000 đồng.
 - Các khoản chi khác bằng tiền mặt là 2.000.000 đồng.
 - Doanh nghiệp đã tăng vốn kinh doanh từ vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo nguyên giá của tài sản cố định này.
2. Tổng số tiền lương phải thanh toán cho người lao động trong hoạt động sản xuất kinh doanh là 100.000.000 đồng, phân bổ cho các đối tượng sau :
 - Sản xuất kinh doanh chính : 56.000.000 đồng
 - Quản lý phân xưởng : 20.000.000 đồng
 - Quản lý doanh nghiệp : 6.000.000 đồng
 - Hoạt động bán hàng : 18.000.000 đồng
3. Trích lập các khoản phải trả tính trên tiền lương theo quy định hiện hành.
4. Nhận vốn liên doanh của đơn vị khác bằng tài sản cố định hữu hình. Theo thỏa thuận của hai bên thì giá trị thỏa thuận được chấp nhận là 140.000.000 đồng. Biết rằng giá trị còn lại của tài sản cố định này là 150.000.000 đồng, giá trị đã hao mòn là 30.000.000 đồng.

5. Mua 1 tài sản cố định giá mua trên hóa đơn là 834.500.000 đồng, thuế GTGT là 10% tiền chưa thanh toán cho người bán. Chi phí trước khi đưa vào sử dụng được tập hợp gồm : vận chuyển, bốc dỡ là 1.500.000 đồng chưa thanh toán cho bên cung cấp dịch vụ, tiền lương phải trả là 2.000.000 đồng, các khoản trích theo lương là 380.000 đồng, chi phí lắp đặt, vận hành máy 1.400.000 đồng thanh toán bằng tiền mặt, vật liệu phụ xuất dùng là 220.000 đồng.
6. Xuất kho nguyên vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm là 120.000.000 đồng.
7. Khấu hao tài sản cố định dùng cho sản xuất là 6.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 5.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 3.000.000 đồng.
8. Chi tiền mặt để thanh toán lương cho người lao động sau khi trừ các khoản trừ lương và khoản tiền lương mà doanh nghiệp giữ hộ là 4.000.000 đồng.
9. Các chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt là 18.700.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, phân bổ cho bộ phận sản xuất 8.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 4.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 5.000.000 đồng.
10. Cuối kỳ nhập kho 1.000 thành phẩm, chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ 1.400.000 đồng, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là 1.600.000 đồng. Doanh nghiệp đánh giá chi phí sản xuất dở dang theo phương pháp nguyên vật liệu trực tiếp.
11. Xuất kho 800 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp đơn giá bán 100.000 đồng, thuế GTGT 10%, khách hàng thanh toán 50% bằng chuyển khoản.
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp trong kỳ 3.000.000 đồng, doanh nghiệp đã nộp ngay bằng tiền mặt.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

6.3.20 Bài tập số 20

Tại một doanh nghiệp chuyên sản xuất kinh doanh sản phẩm A, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Trong kỳ có các số liệu được kế toán ghi nhận như sau :

1. Nhập kho 1.000 kg nguyên vật liệu chính đơn giá 800.000 đồng/kg, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho khách hàng. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ lô nguyên vật liệu chính về đến kho của doanh nghiệp là 2.100.000 đồng, gồm 5% thuế GTGT, doanh nghiệp thanh toán hộ cho người bán bằng tiền mặt. Một tuần sau, doanh nghiệp chuyển khoản thanh toán cho khách hàng sau khi trừ khoản thanh toán hộ tiền vận chuyển và bốc dỡ.
2. Nhập kho 2.000 kg vật liệu phụ, đơn giá 41.000 đồng/kg, thuế GTGT 10%, thanh toán cho người bán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển 2.100.000 đồng, trong đó gồm 5% thuế GTGT, doanh nghiệp thanh toán bằng tiền mặt.
3. Xuất kho 1.500 kg nguyên liệu chính dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm A.
4. Xuất kho 230 kg vật liệu phụ, trong đó, dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm A là 150 kg, bộ phận quản lý phân xưởng là 50 kg, bộ phận bán hàng 20 kg, bộ phận quản lý doanh nghiệp 10 kg.
5. Xuất kho công cụ dụng cụ loại phân bổ 2 lần dùng cho phân xưởng trị giá 2.000.000 đồng.
6. Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất là 300.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng là 100.000.000

đồng, bộ phận bán hàng là 50.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 100.000.000 đồng.

7. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính vào chi phí 19%, trừ lương công nhân 6%.
8. Khấu hao tài sản cố định trong kỳ 25.000.000 đồng, tính cho bộ phận sản xuất là 18.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 3.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 4.000.000 đồng.
9. Điện, nước, điện thoại phải trả theo hóa đơn là 44.000.000 đồng, trong đó thuế GTGT 10%, sử dụng cho bộ phận sản xuất là 20.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 10.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000 đồng.
10. Trong kỳ sản xuất hoàn thành 2.000 sản phẩm A nhập kho. Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ 40.000.000 đồng, số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ là 200 sản phẩm. Biết rằng doanh nghiệp đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp nguyên vật liệu chính.
11. Báo hỏng một công cụ dụng cụ trị giá ban đầu là 3.000.000 đồng, biết rằng công cụ dụng cụ này sử dụng ở bộ phận bán hàng, phế liệu bán thu bằng tiền mặt là 500.000 đồng.
12. Xuất kho 1.000 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp, giá bán đơn vị 120.000 đồng, thuế GTGT 10%, khách hàng thanh toán 20% bằng tiền mặt, phần còn lại thanh toán bằng chuyển khoản.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tính kết quả kinh doanh trong kỳ.